

Số: 200 /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 21 tháng 02 năm 2024 đến ngày 27 tháng 02 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, ngày nắng; chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió đông cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 32°C - 35°C, có nơi trên 35°C.

Dự báo tuần tới: Đêm không mưa, ngày nắng, có nơi nắng nóng. Nhiệt độ trung bình từ: 26,5°C - 27,5°C. Giá trị tổng lượng mưa <5 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2023 – 2024

STT	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
1	Mạ	60,0
2	Đẻ nhánh	10,0
3	Làm đồng	279,0
4	Trổ	2.184,0
5	Chín	1.338,0
6	Thu hoạch	386,0
	Tổng	4.257,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024		6.912,6	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.268
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.760,1	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	785
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	575,5	3. Cây lương thực		438,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	476,5	Bắp	Sinh trưởng	409,1
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	235,0	Khoai mì	Sinh trưởng	27,2
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	206,4	4. Cây công nghiệp		1.460,8
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.948,2			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	Xã	Ngày vào đèn						
			20/02	21/02	22/02	23/02	24/02	25/02	26/02
1	Củ Chi	Thái Mỹ	1.345	1.960	2.360	3.280	5.720	5.080	12.560
		Trung Lập Thượng	20	24	20	18	15	15	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	10-25			T1-5	HM,CC
2	Bọ xít hôi	3-6			T1-3	CC,HM
3	OBV	2-4			Các giai đoạn	CC,HM,BT
4	Chuột	3-5			Các giai đoạn	CC,BT
5	Đạo ôn	5-10%			C1-C3	HM,CC
6	Đốm vằn	10-15%			C1-C3	HM,CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	10-20			1-5	HM, Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM,Q12,BC,BT,CC
3	Sâu tơ	10-25			1-5	HM,Q12,BC,BT,TĐ
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM,CC
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC,CC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC,BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC,HM,CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM,Q12,TĐ
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC,CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ,HM,Q12
16	Ốc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM,Q12,BC
18	Rỉ trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC
19	Đốm lá	5-10%			1-3	BC,HM,Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ,HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.191,4 ha, giảm 81,3 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ xít hôi, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

+ Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 77,6 ha, giảm 14,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

+ Bọ xít hôi: Diện tích nhiễm 84,9 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

+ Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 781,0 ha, giảm 32,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Chuột: Diện tích nhiễm 102,0 ha, giảm 12,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 78,8 ha, giảm 9,5 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 67,1 ha, giảm 7,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024 trong tuần qua 626,5 ha, tăng 13,4 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 389,3 lượt ha, chiếm 62,1% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, dòi đục lá, bọ nhảy, rầy xám, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 121,5 ha, tăng 1,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 70,7 ha, tăng 2,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh.

- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 32,6 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 28,4 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Rầy xanh: Diện tích nhiễm 24,7 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 19,9 ha, tăng 1,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, Bình Chánh.

- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 30,5 ha, tăng 1,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh thối nhũn: Diện tích 6,1 ha, giảm 0,7 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

c) Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.
- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.
- Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến ở giai đoạn tuổi 5 - trưởng thành với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của rầy trên đồng để có biện pháp quản lý hiệu quả đối tượng này.

- Thời tiết còn se lạnh vào đêm và sáng sớm có sương mù nhẹ là điều kiện thuận lợi cho các tác nhân gây bệnh trên lúa phát triển. Chú ý bệnh đạo ôn lá trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - trổ; đạo ôn cổ bông trên lúa giai đoạn trổ - chín. Khuyến cáo chủ động phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông bằng các thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam. Phun vào thời điểm lúa bắt đầu trổ và phun lại lần 2 khi lúa đã trổ đều để bảo vệ năng suất, phẩm chất lúa khi thu hoạch.

- Chú ý chuột gây hại trên lúa giai đoạn đồng trổ - chín. Áp dụng các biện pháp diệt chuột mang tính cộng đồng, triển khai trên diện rộng để đạt hiệu quả cao.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

- Cây bắp: cần lưu ý sâu keo mùa thu ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ.

- Cây dừa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông xuân 2023 - 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *Tea*

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024

(Kèm theo Báo cáo số: **450**/BC-CCTB/TV, ngày **29** tháng **02** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	77,6			77,6	92,5	62,1		HM,CC
2	Bọ xít hôi	84,9			84,9	84,9	68,7		HM,CC
3	Sâu phao	-			-	5	0,3		-
4	Đạo ôn	78,8			78,8	88,3	67,4		HM,CC
5	Đốm vằn	67,1			67,1	75	45		HM,CC
6	OBV	781			781	813	803		CC,HM,BT
7	Chuột	102			102	114	79,3		CC,BT
8	Vàng lá	-			-	-	1		-
	Tổng	1.191,4			1.191,4	1.272,7	1.126,8		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **450/BC-CCTTBVT**, ngày **29** tháng **02** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	19,9			19,9	18,6	25,9	14,4	HM, Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	70,7			70,7	68,7	56,1	50,0	HM,Q12,BC,BT,CC
3	Sâu tơ	17,8			17,8	17,4	16,1	11,7	HM,Q12,BC,BT,Đ
4	Dòi đục lá	28,4			28,4	28,4	15,4	16,2	HM,CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	121,5			121,5	119,6	119,2	84,8	Đ, HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	32,6			32,6	31,6	15,8	21,6	BC, CC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	1,3	1,0	BC, BT
9	Rầy xanh	24,7			24,7	23,7	14,3	14,5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	14,2			14,2	14,1	23,5	7,7	HM, Q12, Đ
11	Bọ phấn	13,0			13,0	9,0	10,0	9,0	CC
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,7	1,1	0,7	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0		Đ
14	Ruồi đục trái	18,8			18,8	18,8	11,4	11,8	BC, CC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	208,5	110,1	Đ, HM, Q12
16	Ôc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cái	6,1			6,1	6,8	8,8	3,8	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	30,5			30,5	28,7	35,7	22,2	Đ, HM, Q12, BC, BT, CC
19	Đốm lá	4,8			4,8	4,4	10,0	3,5	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dừa leo, khổ qua	0,6			0,6	0,7	1,4	0,4	HM
21	Vàng lá	6,1			6,1	5,8	7,1	3,6	Đ, HM
	Tổng	626,5			626,5	613,1	588,0	389,3	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT